東海耐久シリーズ2020 シリーズポイントランキング

Tokai Taikyu Series 2020 current team points standings

■GT部門

1+2Cクラス

No.	Team	Class	R1鈴鹿ツイン	R2美浜	R3スパ西浦	R4鈴鹿ツイン	R5美浜	合計
81	ツカモトレーシング	1+2C	20		20	_		40
119	アライメント浜松	1+2C	12	\setminus	12			24
39	CLNレーシングチーム	1+2C	15	\setminus	8			23
555	チーム五五五	1+2C	10	\setminus	6			16
19	club″愛″	1+2C	1		15			16
62	CLNレーシングチーム	1+2C	8	\setminus	4			12
222	A.R.C	1+2C	-	\setminus	10			10
69	CRAZY FORCES VEX	1+2C	6	\setminus	1			7
67	CRAZY FORCES VEX	1+2C	5	\setminus	2			7
9	KUCファクトリー	1+2C	-	\setminus	5			5
79	中日本自動車短期大学レース部	1+2C	4	\setminus	_			4
100	カーバリュー	1+2C	1	\setminus	3			4
96	GRガレージ港・名四A	1+2C	3	\setminus	-			3
46	ゆっくり走ろう248	1+2C	_		1			1
97	GRガレージ港・名四B	1+2C	-		-			0

平均 11 12 5.75 参加台数

3C/OPクラス

No.	Team	Class	R1鈴鹿ツイン	R2美浜	R3スパ西浦	R4鈴鹿ツイン	R5美浜	合計
77	チーム宇江リース	OP	20		20			40
15	日産愛知自動車大学校MM科	OP			15			15
							_	0

2 0.75 参加台数

■K部門

K-OPクラス

No.	Team	Class	R1鈴鹿ツイン	R2美浜	R3スパ西浦	R4鈴鹿ツイン	R5美浜	合計	
38	デモリッションエグゼ	K-OP	_		20			20	
59	club JAPAN	K-OP	_	\setminus	15			15	
23	Team Jatsun	K-OP	_		12			12	
66	ガレージビークイックトゥディ	K-OP	_		10			10	
30	あくしあ!	K-OP	_	\setminus	_			0	平均
		参加台数	0		4				1

K-TCクラス

<u> </u>								
No.	Team	Class	R1鈴鹿ツイン	R2美浜	R3スパ西浦	R4鈴鹿ツイン	R5美浜	合計
618	チーム佐藤	K-TC	20		1			21
112	白須賀会	K-TC	-		20			20
8	MAECO Racing	K-TC	-		15			<i>15</i>
93	藤枝マリンダイビング	K-TC	-		12			12
30	あくしあ!	K-TC	1		_			1
								0

4 2 参加台数 1.5

平均

K-NCクラス

No.	Team	Class	R1鈴鹿ツイン	R2美浜	R3スパ西浦	R4鈴鹿ツイン	R5美浜	合計
60	ティーム那加デンタルクリニック	K-NC	15		15			30
20	AS刈谷	K-NC	10	\setminus	20			30
2	岸田一派2号車	K-NC	20	/	6			26
3	岸田一派1号車	K-NC	12	\setminus	10			22
225	ぐっちっちレーシングブラウニー	K-NC	8	/	12			20
17	愛知化成樹脂成形製作所	K-NC	_	\setminus	8			8
324	Team Tempest	K-NC	6	\setminus	_			6
5	まんさく自動車	K-NC						0
				\setminus				

平均 3

参加台数

6

6

K-NNクラス

	17 771							
No.	Team	Class	R1鈴鹿ツイン	R2美浜	R3スパ西浦	R4鈴鹿ツイン	R5美浜	合計
24	がれ一じ熊七	K-NN	20		15			35
10	小集団Team BR	K-NN	15		8			23
1	FAST OUT RACING	K-NN	_		20			20
11	O.M. Racing	K-NN	_		12			12
56	MM ESSE	K-NN	_		10			10
604	TPレースクラブ	K-NN	_		6			6
		参加台数	2		6			

平均

2

K-STクラス

11 0	7 7 7 7 7 7 7 7 7 7 7 7 7 7 7 7 7 7 7 7							
No.	Team	Class	R1鈴鹿ツイン	R2美浜	R3スパ西浦	R4鈴鹿ツイン	R5美浜	合計
13	愛知工科大学	K-ST	_		20			20
12	愛知工科大学	K-ST	-	\setminus	15			<i>15</i>
								0

平均

参加台数

0

2

0.5